

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 28/9/2021.

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Ông Đỗ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông N Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2021/TLST-DS ngày 22/6/2021 về việc: **“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-DS ngày 16/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 09/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 265 Quang Trung, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy N, sinh N 1982; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh N 1983; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N và ông N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2021 được bổ sung tại Bản tự khai ngày 22/6/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 26/5/2015, bà Lê Thị Thúy N đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai, với số tiền là nợ

gốc là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*), theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523; mục đích sử dụng tiền vay: Xây giếng và làm nhà vệ sinh; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 26/5/2015, lãi suất cho vay là 9,6%/N, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp.

Theo thỏa thuận với Ngân hàng tại thời điểm vay thì bà N là người vay và ông N là người thừa kế món vay, hàng tháng gia đình bà N phải trả lãi cho Ngân hàng và hiện nay đã quá hạn trả nợ gốc cho Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/6/2020. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở gia đình bà N-ông N trả nợ nhưng bà N-ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã cam kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 15.413.700 đồng (*mười lăm triệu, bốn trăm mười ba nghìn, bảy trăm đồng*), bao gồm: 12.000.000 đồng nợ gốc, 1.920.203 đồng nợ lãi trong hạn và 1.493.497 đồng nợ lãi quá hạn (*tính đến ngày 18/6/2021*).

Tại bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng yêu cầu bà N-ông N phải trả tiếp tục trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 19/6/2021 đến ngày 28/9/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 414.404 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng là 15.828.104 đồng (*mười lăm triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, một trăm linh bốn đồng*), bao gồm: Nợ gốc là 12.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.920.203 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.907.901 đồng; bà N-ông N phải trả tiếp số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 29/9/2021 cho đến khi bà N-ông N trả xong khoản tiền nợ gốc.

Các tài liệu, chứng cứ sao y bản chính được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Quyết định V/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019;

-01 Sổ vay vốn họ tên người vay Lê Thị Thúy N;

-01 Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dự nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai đối với bà Lê Thị Thúy N;

- 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/5/2015 của bà Lê Thị Thúy N;

Đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã triệu tập bà N-ông N đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức. Nhưng do bà N-ông N thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; bà N-ông N không thông báo địa chỉ mới của mình cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để bà N-ông N thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng bà N-ông N không chấp hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Bà Lê Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn N, có địa chỉ tại Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua Biên bản xác minh ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, Trưởng Công an xã Đ cung cấp thông tin về nhân thân, hộ khẩu thường trú của bà N-ông N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 179, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự N 2015; Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự N 2015; Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng N 2010, sửa đổi bổ sung N 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội, buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng số tiền là 15.413.700 đồng (*mười lăm triệu, bốn trăm mười ba nghìn, bảy trăm đồng*), bao gồm: Nợ gốc 12.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/6/2021 là 3.413.700 đồng và tiền lãi đến ngày tuyên án. Sau ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục phải chịu lãi đối với khoản vay theo thỏa thuận.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng dân sự:

Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu người vay là bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người thừa kế món vay là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N có địa chỉ tại Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523 đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các

văn bản tố tụng để triệu tập bà N-ông N đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bà N-ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Đinh Thị Thu H vắng mặt nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523 được ký kết giữa Ngân hàng với bà N thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bà Lê Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn N chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự N 2015.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/5/2015 và Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dự nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai đối với bà Lê Thị Thúy N đã thể hiện rõ vào ngày 26/5/2015 bà Lê Thị Thúy N đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai, với số tiền là nợ gốc là 12.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Xây giếng và làm nhà vệ sinh; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 26/5/2015, lãi suất cho vay là 9,6%/N, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp.

Sau khi vay tiền bà N-ông N đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà N-ông N trả nợ. Bà N-ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bà N-ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N-ông N đã bỏ đi khỏi địa phương nên luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà N-ông N đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự N 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 15.828.104 đồng (*mười lăm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn một trăm linh bốn đồng*), bao gồm: Nợ gốc là 12.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.920.203 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.907.901 đồng (*tính đến ngày 28/9/2021*) và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo thỏa thuận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 15.828.104 đồng x 5% = 791.405 đồng.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (gọi tắt là *chi phí đăng tin, báo*): Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí đăng tin, báo là 4.550.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đăng tin, báo mà Ngân hàng đã nộp là 4.550.000 đồng. Ngân hàng đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 179; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự N 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng N 2010, sửa đổi bổ sung N 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

1. Buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523 là 15.828.104 đồng (*mười lăm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn một trăm linh bốn đồng*), bao gồm: Nợ gốc là 12.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.920.203 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.907.901 đồng (*tính đến ngày 28/9/2021*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải chịu 791.405 đồng (*bảy trăm chín mươi mốt nghìn, bốn trăm lẻ N đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 385.342 đồng (*ba trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003790 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.550.000 đồng (*bốn triệu, N trăm N*

mười nghìn đồng), Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí này. Ngân hàng đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc

